

NGÔN NGỮ TRẦN THUẬT TRONG TRUYỆN THIẾU NHI CỦA LÊ VĂN NGHĨA

Bùi Kim Trang

Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn, Trường Đại học Cần Thơ, Việt Nam

Email: buikimtrang1998@gmail.com

Lịch sử bài báo

Ngày nhận: 19/5/2023; Ngày nhận chỉnh sửa: 12/7/2023; Ngày duyệt đăng: 30/8/2023

Tóm tắt

Ngôn ngữ trần thuật là một trong những yếu tố quan trọng tạo nên tác phẩm tự sự và thể hiện được tài năng của nhà văn. Bài viết nghiên cứu và chỉ ra những đặc sắc của ngôn ngữ trần thuật được sử dụng trong truyện thiếu nhi của Lê Văn Nghĩa. Nhà văn chủ yếu sử dụng ngôn ngữ Nam Bộ nhưng có sự pha trộn với ngôn ngữ của những vùng miền, dân tộc khác tạo nên sự đa dạng trong văn hóa Sài Gòn. Nhiều chất liệu ngôn ngữ học đường được sử dụng tạo nên bức tranh hiện thực về cuộc sống, sinh hoạt của học sinh miền Nam trước năm 1975. Ngoài ra, nhà văn đã sử dụng đan xen lời của người trần thuật và lời của nhân vật để các em tự thể hiện những suy nghĩ, những tình cảm về bạn bè và những điều lo lắng trong cuộc sống.

Từ khóa: *Ngôn ngữ trần thuật, Lê Văn Nghĩa, truyện thiếu nhi.*

NARRATIVE LANGUAGE IN CHILDREN'S STORIES BY LE VAN NGHIA

Bui Kim Trang

School of Social Sciences and Humanities, Can Tho University, Vietnam

Email: buikimtrang1998@gmail.com

Article history

Received: 19/5/2023; Received in revised form: 12/7/2023; Accepted: 30/8/2023

Abstract:

Narrative language is essential for a narrative work, showing the writer's talent. The article examines and points out the features of the narrative language used in children stories by Le Van Nghia. The writer mainly uses the Southern language, but it is mixed with the languages of other regions and ethnic groups, creating Saigon culture diversity. Many school language materials were used to create a realistic picture of the life and activities of students in the South before 1975. In addition, the writer used interlacing the words of the narrator and the words of the character so that the children could express their own thoughts and feelings about friends and worries in life.

Keywords: *Children's stories, Le Van Nghia, narrative language.*

DOI: <https://doi.org/10.52714/dthu.13.4.2024.1263>

Trích dẫn: Bùi, K. T. (2024). Ngôn ngữ trần thuật trong truyện thiếu nhi của Lê Văn Nghĩa. *Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp*, 13(4), 81-86. <https://doi.org/10.52714/dthu.13.4.2024.1263>.

Copyright © 2024 The author(s). This work is licensed under a CC BY-NC 4.0 License.

1. Đặt vấn đề

Ngôn ngữ là chất liệu để người nghệ sĩ sáng tạo nên tác phẩm văn học. Từng con chữ được cất đặt thể hiện dụng ý nghệ thuật của nhà văn. Trong tác phẩm tự sự, ngôn ngữ trần thuật thực hiện chức năng kể, miêu tả và bình luận về thế giới nghệ thuật trong tác phẩm và truyền tải thông điệp của nhà văn đến bạn đọc. Trong *Từ điển thuật ngữ văn học*, các tác giả đã cho rằng: “Ngôn ngữ người trần thuật là phần lời văn độc thoại thể hiện quan điểm tác giả hay quan điểm người kể chuyện đối với cuộc sống được miêu tả” (Lê & cs., 2004, tr. 148). Ngôn ngữ trần thuật là yếu tố then chốt trong tác phẩm tự sự và đồng thời thể hiện cảm xúc, quan điểm của nhà văn đối với hiện thực đời sống. Tùy theo vốn sống, lập trường, cách nhìn, cách cảm mà mỗi nhà văn sẽ tái hiện bức tranh cuộc sống sinh động, phong phú như thế nào trong từng tác phẩm. Trong sáng tạo nghệ thuật, mỗi nhà văn luôn quan tâm đến việc lựa chọn ngôn ngữ trần thuật sao cho độc đáo để tạo lập một phong cách ngôn ngữ cho tác phẩm.

Lê Văn Nghĩa là “người Sài Gòn chuyên viết về Sài Gòn” và những trang văn của ông khiến người đọc hoài niệm không gian Sài Gòn – Chợ Lớn những năm 60, 70 của thế kỉ XX. Song đó, ông còn là một cây bút trào phúng “biết cười và dám cười” đã có những đóng góp nhất định cho sự phát triển của văn học trào phúng đương đại. Mảng sáng tác dành cho thiếu nhi của ông xuất phát từ việc gom góp, nhặt nhạnh kí ức những ngày thơ ấu gắn bó cùng trường lớp để đưa người đọc về miền kí ức tuổi thơ trong sáng, hồn nhiên. Những câu chuyện ấy như một dòng suối tươi mát len lỏi trong tâm hồn người đọc. Thành công của tác giả khi viết về mảng đề tài này chính là việc vận dụng nét đặc sắc về ngôn ngữ Sài Gòn nói riêng và ngôn ngữ Nam Bộ nói chung để phác họa bức tranh học đường miền Nam những năm 60, 70 với những giá trị văn hóa tốt đẹp.

2. Nội dung chính

2.1. Ngôn ngữ trần thuật mang bản sắc văn hóa Nam Bộ

Ngôn ngữ chính là chìa khóa then chốt để tạo nên sự thành công tác phẩm tự sự. Viết về truyện thiếu nhi, Lê Văn Nghĩa đã cho thấy sự am hiểu sâu sắc về lời ăn tiếng nói của con người Nam bộ. Ngôn ngữ từ lời trực tiếp của nhân vật hay ngôn ngữ từ lời gián tiếp đều là ngôn ngữ của chính nhà văn. Ngôn

ngữ từ nhân vật là một lớp ngôn ngữ nằm ngoài từ điển, theo cách phát âm biên âm của người Nam Bộ và nhiều từ ngữ đặc trưng của học đường:

“ - Đưa nào lấy trả nó đi tụi bay? Thằng Vân là **liên toán trưởng** nên lúc này nó phải ra oai.

- Liên ‘tón’ trưởng ơi, ‘tón’ viên Cảnh hù không có lấy.

- À, thằng Cảnh hù, mày là con cảnh sát mày điều tra thám tử, gián điệp thử xem đưa nào lấy cây viết của thằng Són” (Lê, 2016, tr. 100).

Cách xưng hô trên rất đặc trưng trong lớp học những năm 60, 70 của thế kỉ XX. “Liên toán trưởng” tương đương với lớp trưởng bây giờ, các thành viên trong lớp được gọi là “toán viên”. Người Nam Bộ với cách phát âm đặc trưng riêng, âm “oan” trở thành “on”, chính vì thế, chữ “toán” trở thành “tón”. Chữ “liên toán trưởng” hiện nay đã không còn dùng nữa mà thay vào đó là từ “lớp trưởng”. Với ách phát âm như thế, người ta nhận ra đặc trưng vùng miền và tái hiện được không khí học đường miền Nam trước năm 1975.

Vùng đất Nam Bộ gắn với những con người chân chất, thật thà và tên gọi của các nhân vật cũng góp phần thể hiện điều đó. Cách đặt tên của người Nam Bộ gồm ngôi thứ trong gia đình cộng với tên: chú **Hai Ngon**, ông **Hai Ghiền**, chú **Năm Cũ**, chú **Tám Địa**. Các em gọi người lớn (cô, dì, chú, bác) và thứ **dì Hai**, **bà Hai**. Đôi khi, tác giả gọi tên cùng với một đặc điểm nổi bật riêng của nhân vật: **Cảnh hù**, **Hai lùn**, **Sáu cụt**, **Long mập**, **Út đệt**, (*Chú chiếu bóng, nhà ảo thuật, tay đánh bài và tụi con nít xóm nhỏ Sài Gòn năm ấy*); **Hiệp mập**, **Nghĩa lè**, **Cảnh hù**, **Tám hí**, **Hùng lác**, **Tám gẻ**, **Út đệt** (*Tụi lớp Nhứt, trường Bình Tây, cây viết máy và con chó nhỏ*); **Long mập**, **Cảnh hù**, **Út đệt**, **Nhon kem** (*Mùa tiểu học cuối cùng*). Ngoài ra, có những tên gọi gần gũi, chân chất gắn với đời sống lao động của người Nam Bộ: thằng **Chim**, thằng **Lượm**, con **Bông**, chú **Quẩy**, thằng **Ti**, thằng **Mùng**,..., phản ánh được tính cách, tâm lí của người dân Nam Bộ. Cách đặt tên nhân vật dễ nhớ, dễ gọi và dễ nhận dạng trong giao tiếp mà không cầu kì, rườm rà. Ở miền Nam, đưa con đầu lòng không gọi là “cả” mà gọi là thứ “hai” và gắn liền với tên được cha mẹ đặt. Những đứa trẻ thường được gọi là con (dành cho con gái), thằng (dành cho con trai) kèm với tên. Có khi, tên của các em gắn với đặc điểm nào trên người hoặc một hoàn cảnh đặc biệt

nào đó: Lượm - nhân vật này được bà bán ve chai lượm về; gọi là Út đệt vì nó quá ốm yếu, cái tên nói lên được số phận, gắn liền với thân của nhân vật mà không đòi hỏi đặt tên cầu kì. Nhiều nhân vật không có tên cụ thể những lại gắn trực tiếp với nghề mưu sinh kiếm sống: bà Hai bán cháo lòng, chú cúp tóc, dì hai bán cháo huyết, bà bán bánh mì bò thịt nướng, ông già người tàu bán đá nhận,... Đây là những nét đặc trưng của người Nam Bộ khi đặt tên cho con hoặc khi gọi một số người với mối quan hệ không thân thiết.

Nhiều địa danh quen thuộc được gọi nhắc trong tác phẩm: “Góc đường **Phạm Văn Chí - Lê Quang Hiền**” (Lê, 2015, tr. 11); “Đốc chiếc cầu **Bình Tây** khá cao, nối liền đường Lê Quang Hiền, góc Phạm Văn Chí qua bên khu vực chợ Bình Tây. Nếu người bên **quận 6, Chợ Lớn**, ra **Sài Gòn** hoặc về **Phú Lâm** thì phải qua các cây cầu **Bình Tây, Bình Tiên, Palikao**” (Lê, 2015, tr. 136); “Vòng vòng mấy tiệm bán viết máy ở **Chợ Lớn**, chợ **Bình Tiên** cùng lăm ra tới **Tổng Đốc Phương** gần khu vực rạp hát **Đại Quang Minh** là hết sức” (Lê, 2016, tr. 166); “**Chợ Bình Tiên** chỉ là một khu chợ nhỏ, nằm cạnh bên nhà hát **Tân Bình**, có đình **Bình Tiên** mà tụi nó thường hay đi xem hát bội vào những mùa cúng kỳ yên” (Lê, 2016, tr. 167); “Chú làm trong hãng rượu **Bình Tây**, hãng rượu bự xự gần sân tro ở cuối con đường Phạm Văn Chí” (Lê, 2020, tr. 13); “Nhà bảo sanh **Cô Mụ Mười** ở góc đường **Phạm Văn Chí, Mai Xuân Thưởng** - nơi má tui đẻ tui ra mắc tiền lăm” (Lê, 2020, tr. 74),... Những ai đã từng là người con của Sài Gòn chắc không thể quên những địa danh này. Chúng ta chỉ cần đọc qua cũng đủ biết không gian xảy ra câu chuyện.

Nhà văn lựa chọn khẩu ngữ để xây dựng lời văn gián tiếp nhằm phác họa bức tranh học đường miền Nam những năm 60, 70 của thế kỉ XX. Với không gian văn hóa đậm chất Nam Bộ, việc lựa chọn ngôn ngữ giàu tính khẩu ngữ sẽ có tác dụng rất lớn khi xây dựng những đứa trẻ Nam Bộ đáng yêu, đáng mến. Khẩu ngữ còn giúp tác giả chuyển tải được vẻ đẹp về văn hóa, sự gần bó máu thịt, sự am hiểu của tác giả Lê Văn Nghĩa với mảnh đất Sài Gòn - nơi chôn nhau cắt rốn của chính tác giả. Nhiều từ ngữ như: coi báo cộp, giựt le, ăn khính, lính kín, mút mùa lệ thủy, tàn canh gió lộng, xí lác lẹo, lên hương, lỗ mũi ăn trầu,... Lớp ngôn ngữ này được tác giả vận dụng để kể về con người, về mảnh đất Sài Gòn để nhấn mạnh cảm xúc, tư tưởng và tình cảm của con người nơi đây. Chính

vì thế, những truyện dài viết về thiếu nhi của Lê Văn Nghĩa được đón nhận nồng nhiệt.

Miền Nam được xem là cái nôi của cải lương, sau hiệp định Geneve (1954), cải lương phát triển mạnh mẽ và chinh phục hàng triệu khán, thính giả. Nhiều đứa trẻ ở miền Nam vẫn ngâm nga vài câu vọng cổ, có khi được chúng biến tấu. Cải lương thấm thấu vào đời sống của người Nam Bộ, như dòng suối tươi mát, nó là một nét đẹp về văn hóa. Tác giả đã sử dụng lớp ngôn ngữ liên quan đến cải lương để xây dựng ngôn ngữ trần thuật. Lời văn trần thuật của tác giả gọi nhắc đến nhiều nghệ sĩ nổi tiếng một thời: Út Trà Ôn, Hữu Phước, Thanh Nga, Thành Được, Bạch Tuyết, La Thoại Tân, Thẩm Thúy Hằng, Út Bạch Lan, Phương Dung, Hoàng Oanh, Nhật Trường, Hùng Cường, Phi Thoàn, Thanh Việt,... tác giả còn khéo léo mượn những câu hát trong cải lương để: “Hoàng hậu nương nương ơi, tại sao hoàng hậu lại nở độc thủ không lưu... ờ tình” (Lê, 2015, tr. 36), “Có khi nó bắt chước chương trình phụ diễn tân nhạc cải cách trước những buổi chiếu phim ‘Kinh thưa quý vị khán giả, sau đây là đôi song ca Ngọc Cẩm - Nguyễn Hữu Thiết với bài ‘Ai đi qua cầu Bông, té xuống sông ướt cái quần nilong, vô đây em, dù trời phía anh vẫn đưa em về... Khoan... khoan... hò... hò khoan...’” (Lê, 2015, tr. 37). Những giai điệu này đã ăn sâu vào máu của con người Nam Bộ. Thế hệ trẻ cũng yêu thích loại hình này. Đây không chỉ loại hình dành cho người lớn thường thức mà trẻ em cũng thường thức cải lương theo một cách rất riêng. Tác giả muốn phục dựng những nét đẹp về văn hóa của con người Nam Bộ một thời. Trong bối cảnh hiện nay, với sự xuất hiện của nhiều luồng văn hóa, những giá trị truyền thống đang đứng trước những nguy cơ và thách thức đòi hỏi chúng ta phải có những hành động để bảo tồn. Việc tác giả khơi gợi lại sân khấu cải lương qua cảm nhận của một đứa trẻ đã đánh thức tình yêu cải lương nói riêng và những giá trị văn hóa truyền thống nói chung.

Một số trò chơi của trẻ em cũng được tái hiện qua lời văn trần thuật.

“Thấy tui tui, Út đệt, Cảnh hù đang chơi trò “thiên đường địa ngục” trong sân trường chờ giờ vào lớp, thằng Chương liền đi đến để cùng chơi... Vừa đi tui tui vừa đọc:

Thiên đường, địa ngục hai bên

Ai khôn thì đại, ai dại thì khôn” (Lê, 2020, tr. 115).

Trò “thiên đường địa ngục” gắn liền trong kí ức tuổi thơ của mỗi người với bài đồng dao quen thuộc. Trò chơi gọi được sự thích thú, là hình thức giải trí quen thuộc của những thế hệ trước - thời kì điện thoại thông minh chưa xâm thực vào đời sống, sinh hoạt của thiếu nhi như bây giờ. Nhiều trò chơi khác cũng được gọi nhớ: “Đám con gái chơi đánh đu, nhảy lò cò còn mấy thằng con trai thò lò mũi xanh thì chơi đánh khăng, bắn đạn, tạt lon, đánh kiếm” (Lê, 2016, tr. 71). Hay những trò đánh trận giả như Quang Trung đại phá quân Thanh, Đinh Bộ Lĩnh cưỡi trâu, cờ lau tập trận: “Chỉ có thằng Út đệt được miễn là con trâu vì có lần không chịu nổi sức mạnh của thằng Chim nó đã quăng thằng này - trong vai Đinh Bộ Lĩnh xuống đất một cái ạch” (Lê, 2015, tr. 223). Những trò chơi như là “món ăn tinh thần” không thể thiếu đối với lũ trẻ, là kí ức tươi đẹp trong lòng mỗi người. Trò chơi dân gian là nét đẹp trong văn hóa của người Việt. Mỗi trò chơi mang ý nghĩa khác nhau nhưng vẫn cần được bảo tồn và gìn giữ. Tác giả phục dựng không khí của những trò chơi dân gian - như một thông điệp về việc giữ gìn và trân trọng nét đẹp văn hóa truyền thống của dân tộc.

2.2. Ngôn ngữ trần thuật thể hiện sự đa dạng trong văn hóa

Sài Gòn là vùng đất có sự giao lưu, giao thoa về văn hóa, xã hội của nhiều tầng lớp, dân tộc. Vùng đất này từ lâu đã thu hút nhiều dân tộc đến làm ăn và sinh sống tạo nên những nét đặc trưng riêng. Các nhân vật trong truyện thiếu nhi của Lê Văn Nghĩa đối thoại với nhau gắn liền với ngôn ngữ đặc trưng của một nghề nghiệp, tầng lớp hay một dân tộc. Những từ ngữ biến âm của người Bắc được sử dụng trong giao tiếp từ “l” thành “n” và ngược lại tạo nên sự đặc trưng riêng của vùng miền:

“ - Sao chú cứ nói chữ “l” thành chữ “n” hoài vậy?

- Như vậy mới phân biệt được người Bắc và người “Lam”. Cũng như người “lam” ưa “lói” con cá “gô” chứ không phải “nà” con cá rô... Con cá “gô” ở trong “gô” kêu “gòn gột”

- Ủa, chú không phải là người Huế sao?

- Người Huế “nà” người Huế người Bắc “nà” người Bắc chứ người Huế sao “nà” người Bắc được” (Lê, 2016, tr. 51).

Ngôn ngữ của hai nhân vật Hải và ông chú cúp

tóc thể hiện được đặc trưng ngôn ngữ miền Bắc và miền Nam. Lời thoại thể hiện đặc trưng trong cách phát âm của từng vùng miền, tạo nên sự đa dạng, phong phú cho tiếng Việt. Những cuộc giao tiếp trong đời sống, khi phát âm quá chuẩn sẽ trở nên nặng nề, gượng gạo và mất đi sự tự nhiên. Cách phát âm đổi từ “l” sang “n” của người Bắc và “r” thành “r” của người dân miền Nam như một dạng phương ngữ để tô đậm bản sắc của từng vùng miền trên đất nước ta. Với những ai có hiểu biết, điều này sẽ không khiến cho tiếng Việt xấu đi mà càng làm cho tiếng Việt phong phú, đa dạng trong cách thể hiện tình cảm và tâm tư của từng vùng.

Sau vẻ đẹp hoa lệ của vùng đất Sài Gòn, Lê Văn Nghĩa khắc họa cuộc sống của những người lao động nghèo, sống ở rìa thành phố. Đề tài hiện cuộc sống một cách chân thực, nhà văn ngôn ngữ của nhiều thành phần, nhiều dân tộc đến đây cư trú. Tây - Nam - Chà - Chệt ý nhắc đến người Tây, người Annam (người Kinh), người Chà Và, người Hoa. Nhắc đến việc kinh doanh, buôn bán vải thì chúng ta nghĩ ngay đến người Chà:

“- Dớ... dớ... mầy hỏi cái chi dớ...”

- Con hỏi ông có bán khăn tàng hình hôn?

- Khăn tàng hình? Dớ ở đây có bán đủ loại vải có hình hết dớ. Hình gì cũng có. Vải từ Bom Bay tới có đủ thứ hình” (Lê, 2020, tr. 100).

Người Chà sinh sống, buôn bán tại đất Chợ Lớn. Hình ảnh và ngôn ngữ họ là điều khiến người ta khó quên. Từ thời xưa, vùng phố chợ là nơi người gốc Ấn chuyên bán vải, nhưng người An Nam lại nhảm họ là người đến từ đảo Java - Indonesia, nên đọc trại là người Chà Và, về sau, người Chà được gọi chung cho những người có màu da ngăm: Chà Bombay (Ấn Độ), Chà Ma ní (Phi Luật Tân), Chà Nam Dương (In Đô). Trong lời thoại của nhân vật, chúng ta có thể đoán được người Chà xuất thân từ Ấn Độ và kinh doanh vải. Công việc của họ khá đặc trưng, trở thành “thương hiệu” riêng của họ.

Vùng đất Sài Gòn thu hút, níu chân bao nhiêu lưu dân làm ăn sinh sống, trong đó có cả người Hoa:

“- Lượng co phảnh mìn, dách co xây nại, dách co hắc xít, xập hù.

Chú quẩy đang đứng nấu nghe không rõ hỏi lại:

- Lượng co phảnh mìn?

Anh **phô kị** đứng tại chỗ la lên:

- Hầy a. **Lượng co phảnh mìn... Cầu hù**, bản số chín... xấu lúi, tính tiền” (Lê, 2015, tr. 68).

Lời văn trực tiếp của các nhân vật thể hiện nét riêng trong cách phát âm của người Hoa sống tại Chợ Lớn. Người Hoa có khiếu buôn bán, gắn với họ, những quán mì có chữ “kí” phía sau tên của quán trở thành món ngon đặc trưng. Người Bắc có món phở, người Trung có bún bò Huế và miền Nam với món bánh mì. Mỗi vùng, mỗi dân tộc có những đặc sản riêng, độc đáo trong cách chế biến và thưởng thức. Tác giả đã dùng ngôn ngữ nhiều dân tộc, nhiều vùng miền để xây dựng nhân vật gắn liền với nguồn gốc, xuất thân của họ phục dựng được sự đa dạng trong văn hóa Sài Gòn. Nhờ việc xây dựng lời văn trực tiếp đa dạng với nhiều thành phần, tác giả tạo đã chuyển tải những giá trị văn hóa ẩn sau lớp ngôn từ. Sài Gòn thuộc Đông Nam Bộ, là đầu tàu của miền Nam, nơi đây có sự giao thoa nhiều luồng văn hóa, tạo nên sự đa dạng màu sắc về văn hóa gắn với vùng đất và con người nơi đây.

2.3. Ngôn ngữ trần thuật đan xen lời của người trần thuật và lời nhân vật

Ngôn ngữ được sử dụng trong truyện thiếu nhi của Lê Văn Nghĩa đan xen giữa lời của người trần thuật và lời của nhân vật được gọi là lời văn nửa trực tiếp. Về hình thức, kiểu lời này là của người trần thuật nhưng nội dung và phong cách nói lại thuộc về nhân vật. Nhân vật tự đối thoại bộc lộ tâm trạng, thế giới nội tâm mong manh, non nớt và phù hợp tâm lí nhân vật trẻ thơ. Lời văn nửa trực tiếp thường gắn với ngôn ngữ độc thoại của nhân vật. Người đọc nhờ đó có thể vừa nắm bắt được diễn biến của câu chuyện, hành động của nhân vật vừa có điều kiện thuận lợi đi sâu khám phá tâm lí nhân vật một cách cặn kẽ, khám phá thế giới cảm xúc mong manh của trẻ thơ. Tâm trạng hồi hộp, đan xen lo lắng của Minh (*Chú chiếu bóng, nhà ảo thuật, tay đánh bài và tụi con nít xóm nhỏ Sài Gòn năm ấy*) qua những lời văn gián tiếp hai giọng sau: “Nhìn xuống chỗ thằng Long mập ngồi, bắt gặp ánh mắt lo sợ của thằng này nó nhớ lại chuyện cũ như in. Có nên khai thật với cô là lá bùa này không phải nó viết. Nếu khai như thế thì phải khai thằng Long mập. Nhưng nếu cô biết thằng Long mập làm việc này thì tội thằng này sẽ nặng hơn nó rất nhiều. Với lại chơi với bạn mà phản bạn thì không phải là anh hùng” (Lê, 2015, tr. 90). Lời văn trên vừa là lời của người trần thuật vừa là lời của nhân vật Minh. Lời của người trần thuật khai thác dòng suy nghĩ của

nhân, lời của nhân vật do chính nhân vật nói lên tâm trạng của mình như một dòng độc thoại nội tâm. Lá bùa bị trù cô Lan Sinh bị phát hiện dù lí do nào đi chăng nữa thì các em cũng đã sai. Minh không làm nhưng em đang đấu tranh tâm lí để đưa ra câu trả lời để nhằm bảo vệ người bạn của mình. Lời văn trần thuật có sự đan xen giữa người trần thuật và nhân vật Minh nên khó tách bạch được đây là lời của ai. Lời văn nửa trực tiếp sẽ tạo nên sự song điệu giữa người trần thuật và nhân vật: “Thằng Lượm cảm thấy chói với như hột dòi, rớt tòm xuống sông. Hay là nó đi vác bao gạo ở bến ghe chài Lê Quang Liêm? Nó nhỏ con quá, không có sức nên các chú chành sẽ không mượn. Đi đây xe ba bánh ở dốc cầu Chợ Lớn thì biết chừng nào mới kiếm được 120 đồng?” (Lê, 2015, tr. 144). Lời văn trên, về mặt nội dung chính là tâm trạng, là cảm xúc, là tiếng lòng của Lượm nhưng về mặt hình thức vẫn là lời của người trần thuật. Điều này tạo nên sự hòa trộn giữa ngôn ngữ của người trần thuật và ngôn ngữ của nhân vật. Khi xây dựng nhân vật trong thế giới trần thuật, nhà văn chỉ khai thác những dòng tâm trạng, cảm xúc mong manh thoáng qua trong tâm trí trẻ thơ nên việc sử dụng kiểu lời văn gián tiếp hai giọng sẽ để nhân vật tự bộc lộ tâm trạng, suy nghĩ và khám phá thế giới nội tâm vốn dĩ rất mong manh của những đứa trẻ.

Đó là nỗi lòng của Minh khi bị các bạn gạt ra khỏi những cuộc chơi: “Trong lòng nó trống rỗng, hột hăng. Đâu những tiếng ơi ới gọi nhau đi ăn nước đá bào, đá nhện. Đâu còn những buổi chiều tối mát, tụi nó ra cái phong tên nước đầu ngõ, cùng nhau gánh nước, kể chuyện vui trong lớp” (Lê, 2015, tr. 123). Minh làm bạn với thằng Long nên bị bạn bè chán ghét, cho rằng nó xu nịnh nhà giàu nên những lần đi chơi đã trừ Minh ra khỏi nhóm bạn. Người trần thuật dù ở ngôi thứ ba khách quan nhưng thấu hiểu được tâm trạng của nhân vật. Hiểu rõ tính cách của chúng, chúng ghét những điều xu nịnh, sống tình nghĩa và có lòng tự trọng: “Thằng Minh lặng người. Quá tức, nó muốn thoi thằng Chim một cái nhưng dần xuống... Nói xong nó bỏ đi, lòng ngực nặng nề. Da mặt như căng lại. Chưa bao giờ nó có cảm giác bị xua đuổi nhục nhã như thế này. Không hiểu sao thằng này đối xử với nó tận cùng bằng số, hết tình, hết nghĩa như vậy!” (Lê, 2015, tr. 125). Mặc dù, có ý nghĩ muốn đánh bạn nhưng Minh không ra tay mà cảm thấy nhục nhã, đau khổ vì nó đã hết lòng với bạn bè. Tuy nhiên giữa hai nhóm bạn: một bên, đám thằng Chim,

thằng Út đệt thân thiết rất lâu, cùng cảnh ngộ; một bên, Long mập không có nhiều bạn, nó muốn chọn lựa cả hai nhưng không được. Xây dựng về nhân vật này, người trần thuật đã luôn khẳng định, Minh nhận được sự giáo dục từ mẹ - người phụ nữ bán bánh bèo. Người mẹ này luôn dạy con những điều đạo nghĩa và lối sống ngay thẳng “Nghèo cho sạch”. Trong suốt quá trình trần thuật về nhân vật, người trần thuật chỉ đan xen một vài đoạn đề cập đến tâm trạng của nhân vật.

Thể giới nội tâm mong manh của Ti được khai thác bằng một sự thoáng qua, gọn nhẹ trong tâm trí trẻ con, nỗi buồn xen lẫn niềm vui của Ti khi thầy rời Chợ Lớn: “Vui là mừng cho sư phụ đã tìm được tông tích của “sư mẫu”. Còn buồn là vì ông thầy bỏ Chợ Lớn, bỏ nó mà đi? Nó biết ngoài lí do trên, ông muốn đi lục tỉnh để biểu diễn nhạc hội, với ước vọng kiếm được tiền để diễn những trò lớn” (Lê, 2015, tr. 230). Dù là đứa trẻ hiếu động, háo thắng nhưng Ti giàu tình cảm. Thầy Khổng Có đã từng dạy và đồng hành cùng nó, nên cuộc chia tay này khiến nó vui, buồn lẫn lộn. Minh - chú chiếu bóng, Ti - nhà ảo thuật gặp nhau rồi từ biệt. Sau này, họ có thể gặp lại hoặc không nhưng mãi là một phần kí ức quan trọng trong tim của mỗi người. Đòi người luôn có nhưng thứ không trọn vẹn, dở dang để ta hoài nhớ.

Bằng một sợi dây vô hình nào đó, trẻ con rất yêu thích những loài vật. Con Mót mắt tích, Lượm như người vô hồn. Người trần thuật khéo léo khai thác tâm trạng của Lượm: “Thất thần khi vừa bước chân vào nhà. Không khí vắng lặng vì không có tiếng chó sủa của con Mót mừng nó đi học về với tô cơm... Nhìn xuống góc giường thì nó thấy sợi xích bị bung ra nằm lạnh lẽo và vô hồn trên mặt đất” (Lê, 2016, tr. 38). Lượm liên tục trốn học, đi khắp các ngõ ngách tìm con Mót, thậm chí, còn cầu xin ông Địa - thể lực trong tâm linh. Điều này chứng tỏ, Lượm xem con Mót như anh em ruột thịt. Người trần thuật ngôi thứ ba miêu tả những hành động bên ngoài nhưng kết hợp với điểm nhìn bên trong nên đã đi sâu vào thế giới nội tâm nhân vật. Yếu tố nội tâm được người trần thuật không quá chú trọng nhưng điểm trúng vào tâm lí của những đứa trẻ. Những cảm xúc mong manh, những buồn khổ và cả những ám ức của một thân phận nhỏ bé, nhiều lúc bị người lớn bỏ quên đều được nhà văn khai thác. Điều đó thể hiện được sự thấu hiểu và năng lực miêu tả tinh tế tâm lí trẻ thơ.

3. Kết luận

Những trang viết của nhà văn Lê Văn Nghĩa kết tinh từ những tâm huyết và tài năng của chính ông mang đậm dấu ấn của con người và vùng đất Nam Bộ nói chung và bức tranh học miền Nam nói riêng. Ông như một vị tướng điều khiển, sử dụng những con chữ đặt, để vào đúng vị trí tạo nên những câu chuyện về thiếu nhi đặc sắc và sinh động. Ngôn ngữ trần thuật trong truyện thiếu nhi của Lê Văn Nghĩa mang đến những dấu riêng nhờ tài năng của nhà văn. Cũng là ngôn ngữ Nam Bộ nhưng ông lại sử dụng lớp ngôn ngữ một thời đã qua của Sài Gòn để phục dựng lại không gian văn hóa Sài Gòn. Nhà văn tăng cường lời của người trần thuật đan xen lời của nhân vật (chủ yếu là thiếu nhi) để các em tự bày tỏ nỗi niềm, tâm trạng của chính mình, đi vào khám phá thế giới nội tâm mong manh của trẻ thơ với những cảm xúc chân thực, đời thường. Sáng tác văn học dành cho thiếu nhi vốn đã có một vị trí nhất định trong nền văn học với những tên tuổi lớn nhưng bằng tài năng và tấm lòng yêu trẻ em Lê Văn Nghĩa vẫn kịp để lại tên tuổi của mình trong mảng văn học này.

Tài liệu tham khảo

- Lại, N. Á. (2004). *150 từ điển thuật ngữ văn học*. Hà Nội: NXB Văn học.
- Lê, B. H., Trần, Đ. S., & Nguyễn, K. P. (2004). *Từ điển thuật ngữ văn học*. Hà Nội: NXB Giáo dục.
- Lê, V. N. (2015). *Chú chiếu bóng, nhà ảo thuật, tay đánh bài, và tụi con nít xóm nhỏ Sài Gòn năm ấy*. Thành phố Hồ Chí Minh: NXB Trẻ.
- Lê, V. N. (2016). *Tụi lớp nhứt trường Bình Tây, cây viết máy và con chó nhỏ*. Thành phố Hồ Chí Minh: NXB Trẻ.
- Lê, V. N. (2020). *Mùa tiểu học cuối cùng*. Hà Nội: NXB Kim Đồng.
- Nguyễn, V. L., & Lã, N. T. (2009). *Văn học Việt Nam sau 1975 - những vấn đề nghiên cứu và giảng dạy*. Hà Nội: NXB Giáo dục Việt Nam.
- Trần, Đ. S., Trần, N. H., Đỗ, V. H., La, K. H., C. K. L., Nguyễn, T. N. M., Lê, T. M., Lê, L. O., & Nguyễn, T. H. P. (2018). *Tự sự học lí thuyết và ứng dụng*. Hà Nội: NXB Giáo dục Việt Nam.